

Bản án số: 356/2024/DS-PT
Ngày 04 - 7 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi

Bà Kiều Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5, ngày 27 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 năm 2024
tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án
dân sự thụ lý số: 183/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp
quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 244/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm
2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 256/2024/QĐ-PT
ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Bà Lê Thị P1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Ông Lê Minh T, sinh năm 1963.

1.4. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1977.

1.5. Ông Lê Văn N, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị P, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn
N: Anh Trần Đình H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số B, T, phường H, thành phố C,*

tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T2 (L), sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn T2 (L): Ông Phạm Hoàng G, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số D, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V: Ông Phạm Hoàng G, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số D, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Nguyễn Chí T3, sinh năm 1981.

3.3. Chị Nguyễn Thị Bạch T4, sinh năm 1992.

3.4. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ trụ sở: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn N là bị đơn và bà Nguyễn Thị N1, anh Lê Minh T5, anh Lê Hồ Đ là người thừa kế của ông Lê Minh T là bị đơn trong vụ án.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh.

(Ông G, anh H có mặt; UBND huyện C có văn bản xin xét xử vắng mặt; Bà P1, anh T, chị T4, anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn Nguyên d chị Phan Thị Thảo Q là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Phần đất tranh chấp diện tích 102,9m², thuộc một phần thửa đất 201 và thửa đất 269, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của ông, bà để lại cho bà Đinh Thị C là mẹ các nguyên đơn sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1990 bà C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, cấp đổi vào ngày 03/7/2005, diện tích 590m², thửa đất 201 và diện tích 4.698m², thửa đất 269, tờ bản đồ số 13 và tiếp tục quản lý, sử dụng.

Năm 2008 Nhà nước thực hiện dự án Cụm C, huyện C có thu hồi diện

tích 541,5m², thuộc một phần thửa đất 201, diện tích 3.189,7m², thửa đất 269, tờ bản đồ số 13, còn lại diện tích 48,5m² bà C tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2012 bà C (chết), hàng thừa kế thứ nhất của bà C gồm: Ông Lê Văn C1 (chết năm 1985, không có vợ con), bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn N. Ngoài ra, không còn người thừa kế nào khác, trong quá trình gia đình bà P sử dụng đất thì ông Nguyễn Tấn T2 (L) tự ý xây dựng một căn nhà tạm kết cấu khung gỗ tạp, mái tole, vách tole, nền đất trên thửa đất 201, thửa đất 269, tờ bản đồ số 13, đã nhiều lần yêu cầu ông T2 tháo dỡ, di dời nhà trả lại đất nhưng ông T2 không đồng ý dẫn đến tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, bà P1, ông T, bà T1, ông N thống nhất từ lúc Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đến nay thì trên đất không có cây trồng và vật kiến trúc nào khác, đồng thời thống nhất với biên bản định giá do Hội đồng định giá đã định.

Nay bà P, bà P1, ông T, bà T1, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T2, bà V, anh T, chị T4, anh S tháo dỡ, di dời nhà, trả lại đất cho bà P, bà P1, ông T, bà T1, ông N phần đất có diện tích 49,2m², thửa đất 201 và diện tích 53,7m², thửa đất 269, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn T2 (L) do ông Phạm Hoàng G là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp của ông ngoại ông T2 là ông Bùi Văn Đ1 khai hoang vào năm 1955. Sau khi khai hoang ông Đ1 tham gia cách mạng để lại phần đất cho bà Bùi Thị T6 quản lý, sử dụng từ năm 1962, bà T6 được chính quyền chế độ cũ cấp chứng thư cấp quyền sở hữu vào năm 1972. Khi hòa bình lập lại chính quyền cách mạng lấy toàn bộ phần đất do chế độ cũ cấp cho bà T6 để cấp cho các hộ dân không có đất ở và chừa lại phần đất có hai ngôi mộ của ông Nguyễn Văn C2, bà Nguyễn Thị H1 (ông C2, bà H1 chết trước năm 1975). Hiện trạng thời điểm đó là đất hoang không ai sản xuất, canh tác, bà T6 đồng ý với chính sách đất đai của chính quyền cách mạng không có ý kiến. Từ thời điểm năm 1975 đến trước năm 2003 thì phần đất này gia đình ông T2 không có trực tiếp quản lý, sử dụng, canh tác, sản xuất. Tuy nhiên, năm 2003 gia đình ông T2 cho bà Đặng Thị Mỹ D thuê đất để ở vào việc mua bán, thời gian thuê là 06 năm, mỗi năm 1.000.000 đồng gia đình bà C2 không có ý kiến gì. Sau đó Công ty D2 xây trụ sở thì bà D di dời nhà về khu dân cư. Ngoài ra, còn có con ông T2 là chị Nguyễn Thị H2 cất nhà trên đất trước khi D1 xây dựng khoảng 03 năm, chị H2 chỉ ở trên đất không có canh tác, sản xuất. Đối với phần diện tích đất mà các nguyên đơn khởi kiện trước đây có 02 ngôi mộ của ông C2 và bà H1, khoảng năm 2001 di dời hài cốt của bà H1. Năm 2003 Công ty D2

xây dựng trụ sở thì Ủy ban nhân dân xã A di dời, hỗ trợ cho gia đình ông T2 số tiền 1.000.000 đồng và di dời hài cốt của ông C2 vào nghĩa địa Xã G. Ngoài ra, gia đình ông T2 không có nhận khoản bồi thường, hỗ trợ nào khác, sau khi lấy hài cốt ông C2 thì phần đất này còn trống, hiện trạng lồi lõm, không bằng phẳng, gia đình ông T2 san lấp, dọn dẹp mặt bằng cất nhà từ năm 2003 cho đến nay. Thời điểm năm 2003 nhà ông T2 thấp hơn mặt lộ hiện nay rất nhiều, năm 2018 gia đình ông T2 san lấp mặt bằng, bơm khoảng 90m³ cát với số tiền 10.000.000 đồng và sửa chữa nhà như hiện nay. Từ năm 2003 cho đến nay căn nhà của ông T2 đã qua ba lần sửa chữa vào các năm 2005, 2010, 2018, việc sửa chữa nhà các nguyên đơn đều biết không tranh chấp ngăn cản.

Hiện nay trên đất tranh chấp có ông T2, bà V, anh T, chị T4, anh S sử dụng. Ngoài ra, không còn ai khác, hiện trạng đất tranh chấp không có gì thay đổi so với thời điểm xem xét, thẩm định. Ông T2 đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; Sơ đồ đo đạc và diện tích đất theo đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Gia đình ông T2 cất nhà trên đất từ năm 2003 đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà C2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T2 không biết và không đồng ý về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C2.

Ông T2 không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, vì phần đất này là của ông, bà, cha, mẹ để lại. Ông T2, bà V phản tố yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp theo đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cho ông T2, bà V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Chí T3, chị Nguyễn Thị Bạch T4 và anh Nguyễn Văn S trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông T2, không có bổ sung ý kiến gì thêm.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 244/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị T1 và ông Lê Văn N về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Tấn T2, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Chí T3, chị Nguyễn Thị Bạch T4, anh Nguyễn Văn S tháo dỡ, di dời nhà, trả lại đất cho bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị T1 và ông Lê Văn N phần đất có diện tích 49,2m², thửa 201, loại đất trồng cây lâu năm và 53,7m², thuộc một phần thửa 269, loại đất chuyên trồng lúa nước, cùng tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn T2 và bà Nguyễn Thị V.

- Ông Nguyễn Tấn T2 được quyền sở hữu diện tích đất theo đo đạc thực tế 102,9m² (trong đó 49,2m², thửa 201, loại đất trồng cây lâu năm và 53,7m², thuộc một phần thửa 269, loại đất chuyên trồng lúa nước, cùng tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp), trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11 về mốc M1, theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 27/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

(Kèm Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 27/12/2021 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh).

- Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00132.QSĐĐ/1702/QĐ.UE, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Đinh Thị C, ngày 03/7/2005 để điều chỉnh cấp lại cho ông Nguyễn Tấn T2 theo quy định.

- Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách, chuyển, điều chỉnh đối với diện tích đất theo bản án đã tuyên.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị T1 và ông Lê Văn N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 4.953.170 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi ba nghìn một trăm bảy mươi đồng), các đương sự đã nộp và chi xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị T1 và ông Lê Văn N phải chịu tiền án phí dân sự là 1.217.500 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004476, số 0004477, số 0004478, số D, số 0004481, cùng ngày 30/11/2020 và số 0007059, ngày 29/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả cho bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, ông Lê Minh T, bà Lê Thị T1 và ông Lê Văn N số tiền 582.500 đồng (làm tròn 583.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn T2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012692, ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 19/12/2023, bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án nhằm đảm bảo quyền lợi cho ông, bà.

Ngày 19/12/2023, bà Nguyễn Thị N1, anh Lê Minh T5, anh Lê Hồ Đ là người thừa kế của ông Lê Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án nhằm đảm bảo quyền lợi cho bà, các anh.

Ngày 25/12/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh có Quyết định kháng nghị số: 390/QĐ-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số: 244/2023/DS-ST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Trần Đình H là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị P, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn N trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa làm rõ hàng thừa kế của bà T6, chứng thư năm 1972 không thể hiện phần đất tranh chấp của bị đơn. Quá trình giải quyết bị đơn không cung cấp được chứng cứ thể hiện đất của bà T6, khi bà D ở các con của bà C ngăn cản. Bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng từ năm 1990, đến năm 2005 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T2 không có bơm cát mà chỉ cát nhà tạm, khi Nhà nước thu hồi đất và bồi thường ông T2 không có ý kiến, bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp có 02 ngôi mộ của người thân là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm. Nếu không sửa bản án sơ thẩm thì yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ông Phạm Hoàng G là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn T2, bà Nguyễn Thị V trình bày: Thống nhất theo bản án sơ thẩm, không đồng ý với lời trình bày người đại diện của nguyên đơn, đất bà T6 cặp Quốc lộ C và cho bà D thuê cát nhà ở, khi thu hồi đất ông T2 sử dụng đất. Nguồn gốc đất của ông Đ1 để lại cho bà T6, năm 1972 bà T6 được cấp chứng thư diện tích 5 ha, do nhường cơm sẻ áo còn lại phần đất hiện nay, trên đất có mộ của ông C, bà H1. Bà D, bà H2 ở trên đất từ năm 2003, ông T2 cát nhà từ năm 2003, đến năm 2005, 2010, 2018 sửa lại nhà không ai có ý kiến. Do ông T2, bà V, bà T6 không biết chữ và pháp luật đất của gia đình thì cứ ở. Công văn số 1082 của Ủy ban nhân dân huyện C khẳng định cấp đất cho bà C không có đo đạc thực tế, việc cấp đất sai đối tượng, thửa đất 201 và thửa đất 269 cấp trùng lên đất ông T2, gia đình ông T2 sử dụng ổn định trên 23 năm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp

nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết: Tại Tòa án cấp sơ thẩm có đồng nguyên đơn trong đó có ông T đều ủy quyền cho chị Q và chị Q trình bày những người ủy quyền còn sống, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Các nguyên đơn và hàng thừa kế của ông T có đơn kháng cáo và cung cấp hàng thừa kế của ông T là bà N1, anh T5, anh Đ. Tòa án cấp sơ thẩm thông báo kháng cáo không xem xét đối với kháng cáo hàng thừa kế của ông T. Tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn cung cấp trích lục khai tử thể hiện ông T chết ngày 11/7/2023, đồng nghĩa tư cách đại diện theo ủy quyền của chị Q chấm dứt. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên cần hủy bản án sơ thẩm. Do đó, chưa xem xét kháng cáo của bà P, bà P1, bà T1, ông N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét kháng cáo của bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn N nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1, anh Lê Minh T5, anh Lê Hồ Đ là người thừa kế của ông Lê Minh T nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng chỉ có ông G, anh H có mặt; UBND huyện C có văn bản xin xét xử vắng mặt, còn bà P1, anh T, chị T4, anh S vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Đình H là người đại diện theo ủy quyền của bà P, bà T1, ông N trình bày: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, nếu không sửa bản án sơ thẩm thì yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ông Phạm Hoàng G là người đại diện theo ủy quyền của ông T2, bà V yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét Bản án dân sự sơ thẩm số: 244/2023/DS-ST, ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

Bà P, bà P1, ông T, bà T1, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T2, bà V, anh T, chị T4, anh S tháo dỡ, di dời nhà trả lại diện tích đất 49,2m², thửa đất 201 và diện tích đất 53,7m², thửa đất 269, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích 102,9m², đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T2, bà V phản tố yêu cầu công nhận diện tích đất 49,2m², thửa đất 201 và diện tích đất 53,7m², thửa đất 269 tờ bản đồ số 13, tổng diện tích 102,9m², đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ nguyên đơn cung cấp Tờ khai quan hệ thừa kế ngày 18/12/2023 được Ủy ban nhân dân xã A chứng thực hàng thừa kế của ông T gồm: Vợ Nguyễn Thị N1 và con Lê Minh T5, Lê Hồ Đ.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm anh H là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cung cấp Trích lục khai tử của ông Lê Minh T. Theo Trích lục khai tử ngày 17/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã A thể hiện: Ông T chết vào ngày 11/7/2023.

Tại họp đồng ủy quyền ngày 27/02/2021 được Ủy ban nhân dân phường M chứng thực ngày 01/3/2021 thể hiện: Ông T ủy quyền cho chị Phan Thị Thảo Q tham gia tố tụng giải quyết vụ án, trong quá trình giải quyết ngày 11/7/2023 ông T chết nên việc ủy quyền cho chị Q chấm dứt quy định tại khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Dân sự.

Khi ông T chết phải đưa hàng thừa kế của ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng. Tại tờ khai quan hệ thừa kế ngày 18/12/2023 thể hiện: Hàng thừa kế của ông T có vợ là Nguyễn Thị N1 và

con Lê Minh T5, Lê Hồ Đ. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà N1, anh T5, anh Đ vào tham gia tố tụng là vi phạm vào Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử nguyên đơn bà P, bà P1, ông T, bà T1, ông N, người đại diện theo ủy quyền là chị Q. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn không cung cấp thông tin ông T chết cho Tòa án cấp sơ thẩm dẫn đến vi phạm tố tụng là khách quan.

Ngày 19/12/2023 bà N1, anh T5, anh Đ hàng thừa kế của ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo mà không xem xét, xử lý đơn kháng cáo của bà N1, anh T5, anh Đ theo quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số: 244/2023/DS-ST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên không xem xét về nội dung yêu cầu kháng cáo và kháng nghị.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số: 244/2023/DS-ST ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Do bản án sơ thẩm bị hủy bà P, bà P1, bà T1, ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Phần án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 244/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí: Bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, bà Lê Thị T1, ông Lê Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001090, ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng